Thay đổi phương pháp đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến trong thời kì hiện nay

Phạm Thanh Nga
Sở Tư pháp Hà Nội
221 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam
Email: pham.nga.hlu@gmail.com

TÓM TẮT: *Học tập trực tuyến (E-learning) mang nhiều ưu điểm vượt trội trong đào tạo đã làm thay đổi mạnh mẽ quá trình tự học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Học tập trực tuyến và xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đang được quan tâm chú ý và đưa vào triển khai trong nhiều trường đại học ở Việt Nam với phạm vi, mức độ khác nhau. Đặc biệt là, trong thời kì hiện nay, khi mà khoa học kĩ thuật rất phát triển, nhiều ứng dụng công nghệ và các sản phẩm công nghệ đã được ứng dụng trong lĩnh vực giáo dục làm thay đổi phương thức hoạt động giảng dạy và học tập của cả giảng viên và học viên. Công nghệ Dữ liệu lớn (Big Data) và Trí tuệ nhân tạo (AI) đã thay thế con người không chỉ đối với lao động chân tay mà cả lao động trí óc, bao gồm cả việc giảng dạy của giáo viên. Nhiều phần mềm ứng dụng đã được dùng để thay thế con người trong việc truyền đạt kiến thức, kiểm tra và đánh giá chất lượng đào tạo, đặc biệt là các chương trình đào tạo trực tuyến E-learning. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, chất lượng đầu ra của các chương trình đào tạo trực tuyến này chưa được đánh giá cao so với các chương trình tương tự như vậy trên thế giới. Nguyên nhân của thực trạng này là do quá trình đào tạo, việc dạy và học chưa thực sự hiệu quả. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một số phân tích, đánh giá phương pháp dạy và học trực tuyến hiện nay và đề xuất các giải pháp để tăng cường sự tương tác và chủ động trong quá trình dạy và học của giảng viên và học viên để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến trong thời gian tới.*

TỪ KHÓA: **Đào tạo trực tuyến; phương pháp giảng dạy; giảng viên; học viên.**
→ Nhận bài 24/02/2020 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 10/03/2020 → Duyệt đăng 25/03/2020.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, với sự phát triển thần tốc của khoa học công nghệ, việc học tập trực tuyến được áp dụng rộng rãi ở nhiều cấp bậc học, dần thay thế và hỗ trợ các phương thức giáo dục (GD) và đào tạo truyền thống. Đặc biệt, kể từ khi Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành những thông tư hướng dẫn về việc đào tạo và công nhận hình thức đào tạo trực tuyến tại các trường đại học (ĐH) thì các trường càng đẩy mạnh phương thức đào tạo này trong chương trình GD của mình. Trong thời gian gần đây, khi dịch Cô-vy 19 đang hoành hành trên phạm vi toàn cầu thì việc đẩy mạnh các chương trình dạy và học trực tuyến càng được ứng dụng nhiều hơn bao giờ hết. Học tập trực tuyến (E-learning) mang nhiều ưu điểm vượt trội trong đào tạo đã làm thay đổi mạnh mẽ quá trình tự học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Học tập trực tuyến và xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đang được quan tâm chú ý và đưa vào triển khai trong nhiều trường ĐH ở Việt Nam với phạm vi, mức độ khác nhau.

Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, chất lượng đầu ra của các chương trình đào tạo trực tuyến này chưa được đánh giá cao so với các chương trình tương tự như vậy trên thế giới. Nguyên nhân của thực trạng này là do quá trình đào tạo, việc dạy và học chưa thực sự hiệu quả. Vấn đề đang được đặt ra hiện nay là làm sao để cải thiện được chất lượng đào tạo trực tuyến. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, phương pháp và cách thức giảng dạy tác động rất lớn đến chất lượng của loại hình đào tạo này. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ đưa ra một số phân tích, đánh giá phương pháp dạy và học trực tuyến hiện nay, đồng thời đề xuất các giải pháp để tăng cường sự tương tác và chủ động trong quá trình dạy và học của giảng viên và học viên để nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến trong thời gian tới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về đào tạo trực tuyến

2.1.1. Khái niệm đào tạo trực tuyến E-learning

a. Định nghĩa

Đào tạo trực tuyến (E-learning) là quá trình đào tạo dựa trên công nghệ thông tin, trong đó người học sử dụng máy tính và các thiết bị thông minh khác dễ dàng lựa chọn nội dung học tập là những khóa học, bài học được cung cấp qua internet, phù hợp với khả năng, sở thích của từng cá nhân và sự tương tác trực tiếp giữa người dạy với người học cũng như giữa cộng đồng học tập được thực hiện một cách thuận lợi (https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/ e-learning).

b. Đặc điểm

- Dựa vào công nghệ thông tin và truyền thông trên nền tảng mạng internet và công nghệ WEB.

- Về bản chất thì đó vẫn là quá trình truyền tải kiến thức từ người dạy đến người học dưới sự giám sát của hệ thống quản lí. Do đó, nó cần phải tuân thủ các tiến trình cơ bản trong quá trình đào tạo và triển khai hệ thống. E-learning luôn được hiểu gắn liền với quá trình học hơn là quá trình dạy học.

- E-learning tạo điều kiện cho người học với người dạy hay giữa cộng đồng người học với nhau trao đổi thông tin dễ dàng hơn, cũng như đưa ra nội dung học tập phù hợp với khả năng và sở thích từng các nhân.

2.1.2. Mô hình E-learning

Mô hình tổng quát E-learning gồm 4 thành phần:

- *Nội dung*: Nội dung đào tạo bao gồm các giáo trình, bài giảng môn học; các quy trình, cơ chế, chính sách, công nghệ... liên quan đến quá trình giảng dạy. Thành phần bao quát nhất trong đào tạo E-learning là chương trình đào tạo. Các khóa học chính là các website, những quyển sách điện tử hoặc các sản phẩm E-learning khác. Các khóa học bao gồm nhiều bài học, đó là một chương trong một quyển sách điện tử hoặc một số trang trong website (https://www.coursera.org/; http://elearning.tvu.topica.vn; https://onlinelaw.wcl.american.edu/). Các trang hay chương đó chứa các thành phần hình ảnh, âm thanh, video... giúp người học thấy dễ dàng, có hứng thú hơn trong học tập. Ngoài ra, trong tầng này còn có các courseware.

- *Phân phối:* Phân phối các nội dung đào tạo được thực hiện thông qua các phương tiện điện tử. Ví dụ tài liệu được gửi cho người học bằng E-mail, người học học trên website hoặc qua đĩa CD-ROM multimedia...

- *Quản lí:* Quá trình quản lí học tập, đào tạo được thực hiện hoàn toàn nhờ phương tiện truyền thông điện tử. Ví dụ: đăng kí học qua mạng hay bằng tin nhắn SMS, việc theo dõi tiến độ học tập, thi kiểm tra đánh giá thực hiện thông qua mạng internet.

- *Hợp tác*: Sự hợp tác, trao đổi của người học trong quá trình học tập cũng qua phương tiện truyền thông điện tử. Ví dụ trao đổi thảo luận thông qua email, chatting, forum trên mạng ...

2.1.3. Đối tượng E-learning

Con người được coi là chủ thể trong hệ thống E-learning. Con người trong hệ thống E-learning bao gồm: người học, người dạy và người quản trị. Ta có thể hình dung công việc của 3 chủ thể này trong hệ thống E-learning như sơ đồ sau [1]:

- ***Người học,*** là đối tượng phục vụ chính của E-learning, họ tham gia trực tiếp vào các khóa học để thu nhập kiến thức do người dạy cung cấp. Người học tham gia hệ thống E-learning phải được sự cho phép của người quản lí. Họ có thể theo dõi trực tiếp giảng dạy của người dạy, học tập trực tiếp các bài giảng trên hệ thống E-learning hoặc lấy bài giảng về học ngoại tuyến (offline). Khi nghiên cứu một vấn đề, nếu có thắc mắc thì người học sẽ đưa câu hỏi lên hệ thống đào tạo và chờ đợi câu trả lời của người dạy hay người học khác.

- ***Người dạy,*** trong E-learning không chỉ là người cung cấp kiến thức cho người học thông qua các hoạt động học tập, các nhiệm vụ, các thông báo... như trong hình thức đào tạo truyền thống mà bao gồm cả một đội ngũ tạo nên một bài giảng. Đó là người thiết kế kịch bản, người thiết kế học liệu điện tử, người soạn bài giảng và người giảng bài trong hệ thống E-learning. Để tạo ra một bài giảng E-learning hoàn chỉnh cần hợp tác đồng bộ, nhịp nhàng giữa công việc của ba chuyên gia: Người thiết kế kịch bản đảm nhận việc thiết kế kịch bản cho bài giảng qua từng phần bài giảng, bài tập hay bài kiểm tra. Người thiết kế học liệu điện tử đảm nhận việc tạo ra các tư liệu truyền thông đa phương thức (multimedia) như âm thanh hay hình ảnh. Ngoài ra, người dạy còn nhận các phản hồi, trao đổi thông tin với người học khi họ gặp khó khăn và theo dõi toàn bộ quá trình học tập của người học trên hệ thống.

- ***Người quản trị,*** có trách nhiệm quản lí chung toàn bộ hệ thống E-learning. Họ có trách nhiệm quản lí cả người dạy và người học. Đối với người dạy, người quản trị có trách nhiệm cập nhật danh mục các bài giảng, tạo và cấp quyền cho người dạy, quản lí toàn bộ chương trình các khóa học; quyết định thời lượng, lịch học, thời khóa biểu... Đối với người học, người quản trị có quyền cấp và xóa tài khoản, xem thông tin cá nhân và các báo cáo về quá trình học tập của họ.

2.1.4. Yêu cầu về cơ sở vật chất để đào tạo E-learning

a. Yêu cầu với người học

Để tham gia các khoá học E-learning, ngoài việc phải trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết như: máy tính có kết nối internet, các tài liệu, giáo trình... Người học cần có kĩ năng sử dụng máy tính. Người học phải có những kĩ năng cần thiết về máy tính và mạng như tự cài đặt và sử dụng các phần mềm liên quan đến bài học, có khả năng đánh máy, biết kết nối mạng internet và duyệt Web…

b. Yêu cầu đối với người dạy

Giảng viên cần trang bị những kĩ năng cơ bản về máy tính. Ví dụ, tối thiểu phải quen thuộc với cấu trúc file, với việc mở, sao chép và di dời file, với các chức năng của bàn phím, chuột, với các đặc tính của màn hình, Windows và các chức năng của Web; Hiểu biết cơ bản về Windows và Web browser trên các loại máy tính khác nhau sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các chức năng của hệ thống E-learning; Hiểu được những chức năng cơ bản của internet, băng thông và tốc độ truyền thông (bandwidth and connections speed issues); Biết sử dụng mạng LAN, kết nối internet bằng modem, tra cứu tài nguyên; Thường xuyên sử dụng E-mail vì nó sẽ là phương tiện thông dụng nhất để liên lạc với người học.

2.1.5. Các hình thức đào tạo trực tuyến hiện nay [1]

Việc triển khai áp dụng E-learning khá đa dạng, đơn giản nhất là hình thức cung cấp bài giảng điện tử trên đĩa CD-ROM (CBT - Computer Based Training) cho người học tự học và phức tạp hơn là những lớp học ảo được tổ chức trên mạng internet với sự quản lí một cách có hệ thống. Hiện nay, đào tạo trực tuyến (E-learning) có một số hình thức đào tạo sau:

- ***Hình thức đào tạo không đồng bộ*** (Asynchronous learning): Là việc dạy và học diễn ra không đồng thời, giữa người dạy và người học không có sự tương tác trực tiếp với nhau. Người dạy chuẩn bị bài học trước khi khóa học diễn ra, còn người học có quyền quyết định khi họ muốn tham gia vào một khóa học. Đào tạo không đồng bộ gồm các hình thức sau: tự học trên WEB/internet/intranet (đào tạo dựa trên cơ sở Web - WBT - Web Based Training) hoặc tự học qua CD-ROM (đào tạo dựa trên máy tính - CBT - Computer Based Training), học bằng băng cassette hay băng video, hỏi và trả lời qua diễn đàn hoặc email.

- ***Hình thức đào tạo đồng bộ*** (Synchronous learning): Là việc học tập có sự hướng dẫn trực tiếp của người dạy, người học tham gia học gần như cùng một thời điểm và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau. Học tập diễn ra thông qua internet/intranet, sử dụng hệ thống quản lí học tập LMS. Người dạy và người học có thể có khoảng cách về không gian. Đào tạo đồng bộ được thể hiện qua các hình thức: học qua chương trình truyền hình trực tiếp, hội thảo bằng âm thanh và hình ảnh, điện thoại internet. Hình thức học này giúp cung cấp ngay những phản hồi về quá trình học tập của người học để người dạy và người học có những điều chỉnh cần thiết.

- ***Hình thức đào tạo ảo*** (Virtual learning): Là việc học tập được tổ chức ở các "lớp học ảo" ngay trên mạng như các lớp học thông thường và thông qua mạng internet/intranet, sử dụng hệ thống quản lí học tập (LMS). Các giờ học trực tuyến được tổ chức để thảo luận về các vấn đề giữa người học với người dạy và giữa các người học với nhau. Người học có thể học trực tiếp hoặc xem lại các bài giảng và làm bài tập off-line với hình thức giống như đang tham gia lớp học trực tiếp.

- ***Mô hình đào tạo kết hợp*** (Blended Learning): Là sự kết hợp cả E-learning và hình thức đào tạo truyền thống nhằm đạt kết quả cao nhất. Các khóa học theo mô hình đào tạo kết hợp này có một số nội dung giảng dạy trực tiếp trên giảng đường và một số được dạy qua hệ thống E-learning làm cho người học cảm thấy hứng thú hơn, tiếp thu được nhiều lợi ích hơn nhờ việc tận dụng tất cả ưu điểm của hình thức đào tạo truyền thống và E-learning.

Ở Việt Nam, trong điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu thốn và quá trình nghiên cứu về đào tạo trực tuyến (E-learning) còn hạn chế như hiện nay thì mô hình đào tạo kết hợp (Blended Learning) là một lựa chọn hợp lí.

2.2. Tổng quan về các phương pháp giảng dạy trong đào tạo trực tuyến

2.2.1. Phương pháp thảo luận

Thảo luận là phương pháp giảng viên đặt ra những vấn đề, những tình huống và tổ chức cho SV cùng nhau trao đổi, tranh luận tìm lời giải đáp. Về bản chất của phương pháp thảo luận là sử dụng trí tuệ của tập thể SV cùng đi tìm chân lí, đây là một trong những xu hướng đổi mới phương pháp dạy học hiện đại [1].

Ưu điểm của phương pháp thảo luận: Tạo ra một không khí học tập sôi nổi, mọi người cùng tham gia tìm tòi nắm vững nội dung bài học. Điều quan trọng nhất của phương pháp thảo luận là SV hình thành kĩ năng hợp tác trong tư duy và trong hành động thực tế để cùng giải quyết vấn đề, đây là một phẩm chất quý báu của người lao động trong xã hội hiện đại "Học để hợp tác, cùng chung sống".

Phương pháp thảo luận có thể tiến hành chung cả lớp hay theo nhóm. Trong trường hợp thứ nhất, giảng viên là người nêu vấn đề, hướng dẫn, khích lệ SV trao đổi, tranh luận. Giảng viên làm cố vấn cho các bên, là trọng tài trong các trường hợp gay cấn và đưa ra các kết luận cuối cùng. Phương pháp thảo luận có thể tiến hành theo nhóm. Thực hiện quá trình dạy học bằng phương pháp thảo luận làm cho việc học tập của SV trở nên nhẹ nhàng, lớp học sôi nổi, hứng thú. SV vừa đua tranh, vừa hợp tác giúp đỡ nhau học tập, vấn đề được thảo luận kĩ, do đó kiến thức nhớ lâu và có thể vận dụng vào thực tiễn.

2.2.2. Phương pháp dạy học nêu vấn đề

Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tạo ra tình huống có vấn đề, mâu thuẫn, đưa SV vào trạng thái tâm lí phải tìm tòi khám phá, từ đó giảng viên hướng dẫn, khích lệ SV tìm cách giải quyết. Mấu chốt của phương pháp dạy học nêu vấn đề là sưu tầm được các tình huống xung đột, mâu thuẫn thực tế, phù hợp với nội dung bài giảng, chuyên ngành, làm cho SV cố gắng tìm cách giải quyết.

Có nhiều loại tình huống có vấn đề giảng viên cần khai thác sử dụng: Tình huống không phù hợp với quan niệm thông thường, trái với kinh nghiệm đã có; Tình huống mâu thuẫn giữa lí thuyết và thực tế, giữa thực tế nơi này với nơi kia; Tình huống xung đột, đối nghịch nhau; Tình huống lựa chọn phương án; Tình huống đột biến, sự kiện phát triển nhanh khác thường; Tình huống giả thuyết, tình huống dự đoán, giả định cần phải chứng minh.

Trên cơ sở tạo dựng các tình huống, giảng viên dẫn dắt SV giải đáp bằng các phương án sau: Giảng viên nêu mâu thuẫn, đưa mâu thuẫn tới đỉnh điểm và sau đó thuyết trình tháo gỡ vấn đề; Tổ chức cho SV thảo luận tìm cách giải quyết và giảng viên giúp SV khẳng định kết quả; Tổ chức cho SV làm các thí nghiệm chứng minh hay bác bỏ tình huống. Đích cuối cùng của dạy học nêu vấn đề là sử dụng tối đa trí tuệ của SV và tập thể SV, giúp họ tự lực tìm ra kiến thức, hình thành phương pháp tư duy linh hoạt, sáng tạo.

2.2.3. Phương pháp diễn giảng

Diễn giảng là phương pháp dạy học trong đó giảng viên dùng lời nói để trình bày, mô tả, phân tích, giải thích, chứng minh… nội dung bài học một cách chi tiết giúp cho SV nghe, hiểu và ghi nhớ. Diễn giảng là phương pháp được sử dụng lâu đời nhất trong lịch sử dạy học ở bậc ĐH và còn đang sử dụng rất phổ biến ở nước ta cũng như nhiều nước khác trên thế giới.

Ưu điểm của phương pháp diễn giảng:

- Đối với giảng viên, bài dạy dễ thực hiện, không cần bất cứ một phương tiện kĩ thuật nào, còn đối với SV được nghe thầy phân tích, giải thích, chứng minh nhanh chóng hiểu được các vấn đề phức tạp, nắm được nhiều thông tin lẽ ra phải bỏ ra nhiều công sức, nhiều thời gian để tìm tòi, nghiên cứu mới có thể thu thập được.
- Giảng viên chủ động thực hiện một chương trình có khối lượng kiến thức lớn, có thể dạy cho một lớp học đông SV.
- Phương pháp diễn giảng ngoài việc cung cấp thông tin khoa học còn có thể hướng dẫn SV phương pháp tư duy, lập luận lô-gic giải quyết vấn đề, có thể tạo được cảm xúc cho SV.

2.2.4. Phương pháp sử dụng sách giáo trình, tài liệu và internet

Phương pháp sử dụng sách giáo trình, tài liệu học tập và mạng internet là phương pháp giảng viên hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu để nắm vững nội dung bài học, môn học, để đào sâu mở rộng kiến thức làm cho chất lượng học tập được nâng cao. Sách giáo trình ở trường ĐH chứa đựng kiến thức và kĩ năng chuẩn theo chương trình quy định cho từng môn học, chuyên ngành học. Các tài liệu học tập ở trường ĐH bao gồm sách bài tập, sách tham khảo, chuyên khảo và các tài liệu khoa học, văn học, nghệ thuật... hỗ trợ SV mở rộng và đào sâu kiến thức.

Internet là một nguồn thông tin phong phú, cập nhật có thể hỗ trợ cho SV tham khảo, nếu được sử dụng để học tập sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao trình độ hiểu biết của SV về các lĩnh vực khoa học và thực tế đời sống. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để SV ham thích đọc sách và biết cách đọc sách? Đó là câu hỏi khó nhưng có thể làm được với các biện pháp như sau:

- Giới thiệu các loại sách cần đọc phục vụ cho học tập, sách tham khảo mở rộng, đào sâu kiến thức, sách giải trí cho lứa tuổi SV.
- Hướng dẫn SV phương pháp đọc sách, tra cứu trên internet, kĩ năng tìm thông tin, ghi chép, xử lí, sử dụng thông tin phục vụ cho mục đích học tập.
- Giao nhiệm vụ học tập, yêu cầu SV thực hiện công việc nghiên cứu, ấn định ngày phải có sản phẩm bằng văn bản.
- Có nhiều công việc có thể giao cho SV như: tóm tắt một cuốn sách, phân tích quan điểm của một tác giả, sưu tầm tài liệu phục vụ cho hội thảo, tìm hiểu văn học nghệ thuật, khoa học…

Mọi nhiệm vụ đã giao cho SV, giảng viên cần theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện và sản phẩm cần làm. Có nhận xét, đánh giá, động viên SV làm tốt, có yêu cầu cao đối với SV về sản phẩm và tiến độ để họ cố gắng thực hiện, không bỏ qua những trường hợp đọc sách qua loa, chiếu lệ hoặc hoàn toàn không làm gì cả.

2.3. Thực trạng tình hình đào tạo trực tuyến ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Hành lang pháp lí

Hiện nay, Việt Nam cũng đã có những quy định pháp luật dành cho mô hình đào tạo trực tuyến được điều chỉnh bởi: Luật GD ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung 2009 và Luật GD 2019 ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật GD Nghề nghiệp 2014; Luật GD ĐH 2012; Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ ĐH. Việc tổ chức đào tạo E-learning cũng phải tuân thủ các quy chế đào tạo do Bộ GD&ĐT ban hành. Trang thông tin điện tử hoặc website cung cấp nội dung, dịch vụ đào tạo qua mạng phải tuân thủ Nghị định 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về việc quản lí, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng. Hệ thống công nghệ thông tin liên quan đào tạo qua mạng phải đảm bảo các quy định pháp luật có liên quan về an toàn, an ninh thông tin. Bài giảng điện tử và học liệu điện tử phải đảm bảo giúp người học có thể tự học được một cách dễ dàng, thuận tiện.

Để đảm bảo chất lượng kết quả đào tạo qua mạng, việc kiểm tra, đánh giá kết thúc môn hoặc học phần phải được tổ chức tập trung, có sự giám sát trực tiếp của cơ sở đào tạo, căn cứ vào điều lệ, quyết định được ban hành của từng trường…Điều kiện cơ bản tổ chức đào tạo qua mạng của cơ sở đào tạo gồm có: Cổng thông tin điện tử hoặc website đào tạo qua mạng; Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải; Đội ngũ nhân lực đảm bảo triển khai hoạt động đào tạo qua mạng; Hệ thống quản lí học tập qua mạng (LMS); Hệ thống quản lí nội dung được biên soạn theo hướng học liệu tự học và được xây dựng thành hệ thống bài giảng điện tử, đóng gói theo chuẩn SCORM, đảm bảo các yêu cầu về học liệu điện tử do Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư 12/2016/TT-BGĐT; Quy chế đào tạo qua mạng, hoạt động đào tạo qua mạng chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lí GD, của các cơ quan thanh tra nhà nước, thanh tra chuyên ngành có liên quan và của chính quyền các cấp. Từ đây, có thể thấy mô hình GD trực tuyến đã được Nhà nước cho phép bằng việc quy định hàng loạt các hành lang pháp lí, chỉ cần việc dạy và học trực tuyến qua mạng tuân thủ đúng các điều khoản pháp luật quy định thì sẽ không xảy ra việc vi phạm pháp luật.

2.3.2. Thực trạng giáo dục theo mô hình trực tuyến hiện nay

Thị trường GD trực tuyến tại Việt Nam ước tính có quy mô tính bằng tỉ USD, nhưng còn quá nhiều rào cản cho cuộc cách mạng rất tiềm năng này. Hiện nay, đào tạo trực tuyến đang được xem là phương tiện hỗ trợ, giúp GV đứng lớp chuyển tải tới học sinh những lượng thông tin mà phấn trắng, bảng đen và các phương tiện

dạy học truyền thống khác không làm được và học trực tuyến là một lựa chọn mới mẻ, hấp dẫn, được kì vọng sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự tiến bộ của môi trường GD. ĐH trực tuyến được xem là một đối thủ cạnh tranh của ĐH truyền thống. Một vấn đề đang được đặt ra là liệu GD trực tuyến có thể thay thế hoàn toàn GD truyền thống hay không trong giai đoạn hiện nay. Ở một số trường ĐH nổi tiếng trên thế giới, việc kết hợp E-learning với GD trực tiếp truyền thống tại giảng đường là một giải pháp khá hiệu quả. Ý thức của người học cũng như đạo đức nghề nghiệp của người dạy cũng là một vấn đề đáng lưu tâm hiện nay nếu muốn nâng cao chất lượng đào tạo theo cả cách truyền thống và trực tuyến.

Sự ra đời của internet, GD trực tuyến có thể xoá đi mọi rào cản. Bất cứ ai có kiến thức, khả năng truyền đạt tốt đều có thể trở thành người đi dạy và bất cứ ai có nhu cầu đều có thể đi học. Dù chi phí sản xuất cao nhưng các khóa học trực tuyến có cơ hội mang lại lợi nhuận cao. Theo nghiên cứu của Global Industry Analysts, thị trường GD trực tuyến toàn cầu đạt hơn 100 tỉ USD trong năm 2016. Còn theo The Economist, số người đăng kí học trực tuyến trên thế giới năm 2016 đạt 60 triệu người và dự báo đạt 70 triệu người trong năm nay. Hiện nay, Mĩ là quốc gia có nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ MOOC (Massive Online Open Coures - các khóa học trực tuyến quy mô lớn) nổi tiếng nhất. Có thể kể đến như Coursera, edX và Udacity. Hơn 17 trường ĐH hàng đầu của Mĩ và các quốc gia khác cung cấp những khóa học trực tuyến miễn phí thông qua Công ty GD Trực tuyến Coursera, trong đó có cả các trường ĐH nổi tiếng như Harvard và Massachusetts.

GD trực tuyến cũng được du nhập vào Việt Nam từ khá sớm. Tính đến năm 2010, đã có các đơn vị tiên phong tìm kiếm cơ hội kinh doanh với mô hình này như Violet.vn, hocmai.vn, TOPICA ..., phần lớn đi theo mô hình E-learning. Đến năm 2012, Bộ GD&ĐT khởi động dự án ĐH ảo nhưng không để lại nhiều dấu ấn trên thị trường. Tháng 8 năm 2013, GiapSchool là đơn vị đầu tiên mở cổng MOOC với nhiều khóa học trong các lĩnh vực khác nhau. Khoảng 2 năm sau, FPT tham gia bằng một dự án MOOC khác mang tên FUNiX. Đến năm 2016, Việt Nam có khoảng 150 dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực GD trực tuyến. Các đơn vị này cung cấp chương trình giảng dạy từ thiếu nhi, ĐH cho đến người đi làm. Với 40% dân số kết nối internet, chủ yếu là giới trẻ, nhu cầu học hành cao. Mỗi năm, người Việt Nam chi 3-4 tỉ USD để cho con cái du học. Vì thế, thị trường GD đào tạo trực tuyến đang đầy tiềm năng với quy mô lớn cùng tốc độ tăng trưởng doanh thu hơn 40% mỗi năm, ước tính quy mô thị trường không dưới 2 tỉ USD. Do đó, không chỉ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, Việt Nam cũng là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư ở châu Á như Nhật, Hàn Quốc hay Singapore. Hiện nay, có 5 đơn vị đang dẫn đầu thị trường là Topica, FUNiX, Kyna, Tienganh123 và eGroup. Tại các nước đang phát triển, GD trực tuyến là cơ hội lớn để đẩy nhanh cải cách GD, đào tạo. Qua đó, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội *(Nguồn: https://www.brandsvietnam.com/11956-Giao-duc-truc-tuyen-Mo-hinh-nao-se-thanh-cong)*.

Ở Việt Nam, nhiều dự án công nghệ khác, các công ty GD trực tuyến ở Việt Nam phát triển một cách tự phát. Vì thế, trong 3 năm trở lại đây, dù chứng kiến nhiều doanh nghiệp tham gia thị trường nhưng chỉ là yếu tố "lượng", "chất" vẫn thiếu. GD số có các mô hình học trực tuyến, gồm: Video Streaming, tương tác người - máy và tương tác người - người. Cho đến nay, mô hình học trực tuyến tương tác giữa học viên và giảng viên được lựa chọn nhiều hơn. Mặc dù vậy, phần lớn các chương trình tại Việt Nam vẫn tập trung vào phần luyện thi ĐH, luyện tiếng Anh hay các khóa học về kĩ năng mềm. Cách làm của doanh nghiệp giống nhau, thiếu sự sáng tạo đổi mới và đột phá trong GD. Có thể nhìn thấy khá nhiều rào cản lớn đối với các khóa học trực tuyến như khoảng cách giữa người dạy và học, thói quen học, hạ tầng công nghệ... Doanh nghiệp đầu tư trong nước chủ yếu đến từ nhóm công nghệ thông tin và nhóm GV muốn tham gia vào lĩnh vực đào tạo trực tuyến. Còn các nhà đầu tư nước ngoài thiên về hướng đưa các chương trình đã thành công trên thế giới về Việt Nam nhưng phần địa phương hóa lại chưa đủ hấp dẫn nên thiếu nhiều nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ đào tạo trực tuyến lớn để tạo ra một thị trường sôi động và cạnh tranh.

Hiện nay, các khóa học trực tuyến dần phát triển và phải tìm kiếm nguồn doanh thu mới. Với MOOC, các giảng viên không còn cần phải làm việc trực tiếp với một trường ĐH mà hoàn toàn có thể tạo ra các ebook hoặc bán các bài giảng. Một nhà đầu tư đào tạo tiếng Anh trực tuyến tại Việt Nam tính toán: Nếu trong một năm có 20.000 lượt học và giá mỗi bài giảng là 10.000 đồng thì doanh thu một năm trên mỗi bài giảng là 200 triệu đồng. Lợi nhuận tiếp tục phát sinh trong những năm tiếp theo. Phép tính này rất hấp dẫn nhưng trong khi thị trường chưa sẵn sàng và GD trực tuyến là mô hình kinh tế dựa trên quy mô, một câu hỏi thú vị đặt ra là mức độ đầu tư vào mô hình này như thế nào và khi nào sẽ mang lại lợi nhuận. Coursera hiện là đơn vị kinh doanh GD trực tuyến lớn nhất thế giới, cung cấp 1.700 khóa học cho 24 triệu học viên trên toàn cầu *(Nguồn: https://www.brandsvietnam.com/11956-Giao-duc-truc-tuyen-Mo-hinh-nao-se-thanh-cong)*.

3. Kết luận và đề xuất giải pháp

Cách mạng công nghiệp 4.0 mang đến cho nhân loại cơ hội để thay đổi và phát triển trong mọi lĩnh vực bao gồm cả sự đổi thay trong lĩnh vực GD&ĐT. Đào tạo trực tuyến E-learning là xu thế tất yếu trong thời kì Cách mạng công nghiệp 4.0. Để nâng cao chất lượng dạy và học trong đào tạo trực tuyến cần sử dụng hợp lí và kết hợp các phương pháp đào tạo khác nhau để nâng cao sự tương tác và chủ động của giảng viên, học viên trong quá trình dạy và học. Từ đó, nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến. Trong quá trình dạy học E-learning, học viên sẽ phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động khi tiến hành hoạt động tự học

bởi họ tự quyết định lựa chọn thời gian, địa điểm cũng như nội dung học tập. Tuy nhiên, không vì thế mà bỏ qua vai trò chủ đạo của GV (hoạt động dạy). Vai trò của GV trong quá trình dạy học E-learning thể hiện ở việc lựa chọn nội dung đưa lên hệ thống E-learning, sắp xếp nội dung theo trình tự phù hợp, định hướng cách học cho học viên… Vai trò chủ đạo còn thể hiện trong việc đảm bảo mối liên hệ tương tác, trao đổi thường xuyên giữa giảng viên và học viên thông qua hệ thống E-learning.

Để thành công trong một khoá học E-learning, GV không những phải phát triển những kĩ năng sư phạm mới mà còn phải tiếp thu những kĩ năng mới về quản lí và kĩ thuật triển khai E-learning. Dưới dây là một số những kĩ năng chủ yếu:

- *Sự thành thạo về sư phạm*: Theo phân tích ở trên, môi trường E-learning là một dạng khác so với môi trường lớp học truyền thống. Sự thành thạo về sư phạm sẽ giúp GV hiểu rõ đối tượng học tập, nội dung học tập. Từ đó, giúp GV thiết kế được khóa học với cấu trúc hợp lí, các hoạt động học tập hiệu quả giúp định hướng cho người học biết học như thế nào, bắt đầu từ đâu và theo cách nào... Do vậy, nên tham khảo các khóa học E-learning khác từ các đồng nghiệp hoặc từ internet. Ngoài ra, người dạy cần sẵn sàng đầu tư công sức và thời gian để trả lời các câu hỏi của người học, xây dựng diễn đàn trao đổi thông tin và hệ thống hỗ trợ người học sau khi hoàn thành khoá học. E-learning thuần túy không phải là một giải pháp hoàn hảo, cần kết hợp cả hai hình thức đào tạo E-learning và dạy học giáp mặt để đem lại kết quả cao cho người học. Do đó, người dạy cần sáng tạo trong việc lập kế hoạch làm thế nào để sử dụng và phối hợp công nghệ hiện đại với hình thức dạy học khác để quá trình dạy học đạt hiệu quả cao hơn.

- *Kĩ năng quản lí*, bao gồm: Việc xây dựng các nguyên tắc riêng của mình, yêu cầu người học thực hiện theo các nguyên tắc đó và kiên trì với các nguyên tắc đã đề ra; Thường xuyên liên hệ để được hỗ trợ từ các chuyên gia về công nghệ thông tin và truyền thông của đơn vị mình.

Tài liệu tham khảo

[1] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (2017), *Tài liệu Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên dạy đại học, cao đẳng*.

[2] Luật Giáo dục, (2019).

[3] Luật Giáo dục Đại học, (2012).

[4] https://vi.wikipedia.org.

[5] 7 ways to improve E-learning, https://elearningindustry.com.

[6] *Using E-learning technologies to improve educational quality of language teaching,* https://elearningindustry.com

[7] *How to make E-learning effective and tips to increase it's effectiveness,* https://www.talentlms.com

[8] *Giáo dục trực tuyến, Mô hình nào sẽ thành công,* https://www.brandsvietnam.com

[9] https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/E-lear ing

IMPROVING THE TEACHING METHOD TO ENHANCE THE E-LEARNING QUALITY THE CURRENT PERIOD

Pham Thanh Nga

Hanoi Department of Justice
221 Tran Phu, Ha Dong, Hanoi, Vietnam
Email: pham.nga.hlu@gmail.com

ABSTRACT: *E-learning with many outstanding advantages in training has drastically changed the self-study process due to the ability to personalize and effectively meet the learning activities of learners. E-learning and building an E-learning environment currently attracts the attention of a large number of universities in Vietnam with different scope and levels. Especially in the current period, when science and technology are developing, the applications and products of technology have been applied in the field of education, changing the way of teaching and learning activities of both lecturers and students. Big Data and Artificial Intelligence (AI) technologies have replaced manual labour but also intellectual labour, including the teaching activities. Many software applications, especially E-learning online training programs, have been used to replace people in the transmission of knowledge, testing and evaluating the training quality. However, in Vietnam today, the output quality of these online training programs has not been highly appreciated compared to similar programs in the world. The cause of this situation is that the training, teaching and learning is not really effective. Therefore, in this article the author provides analysis of the current teaching and learning methods, then proposes solutions to enhance the interaction and initiative in the teaching and learning process of lecturers and students to improve the quality of online training in the future.*

KEYWORDS: **E-learning; teaching method; lecturers; learners.**